

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 56/2023/QĐST-KDTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Từ Liêm, ngày 29 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34 và Điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án đề ngày 13 tháng 6 năm 2023 của:

Người yêu cầu:

Công ty T;

Địa chỉ: Số 4, ngách 111/20, phố C, phường T, quận N, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T – Chức vụ: Giám đốc. CCCD số 03618600xxxx, Ngày cấp: 30/06/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. SĐT: 0979126xxx.

Công ty D;

Địa chỉ: Số 110 M, phường M, quận N, TP H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông S – Giám đốc. Hộ chiếu nước ngoài số: M5800xxxx, Ngày cấp: 16/12/2014, Nơi cấp: Bộ ngoại giao và thương mại Hàn Quốc, Số điện thoại: 02435810xxx.

Chủ sở hữu doanh nghiệp: Bà Hồ Lan Phương CCCD số: 00117501xxxx, Ngày cấp 23/03/2023, Nơi cấp: Cục cảnh sát DKOL cư trú và DLQG về dân sự. Điện thoại: 0904656xxx.

- Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

XÉT THẤY:

Kết quả hòa giải thành có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên, cụ thể như sau:

1. Những nội dung các bên đã thống nhất được:

1.1. Hai bên xác nhận về việc giao kết hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng và xác nhận số tiền Công ty D phải thanh toán cho Công ty T:

- Công ty T và Công ty D đã ký kết 05 Hợp đồng hợp tác kinh tế lần lượt là:

- +) Hợp đồng kinh tế số 01/HDKT/THA-DAWOO ký ngày 28/03/2019;
- +) Hợp đồng số 02/2019/HDKT THA-DAWOO ngày 15/03/2019;
- +) Hợp đồng kinh tế số 03/2019/HĐKT/THA-DAWOO ngày 24/07/2019;
- +) Hợp đồng số 2210/2019 HDKT/THA-DAWOO ký ngày 22/10/2019;
- +) Hợp đồng kinh tế số 05/2019/HĐKT/THA-DAWOO ngày 01/05/2019;

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty D chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình theo các Hợp đồng nêu trên, tính đến ngày 28/07/2022. Cụ thể như sau:

+) Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/THA-DAWOO ký ngày 28/03/2019, còn nợ: **198.000.000 VND** (Bằng chữ Một trăm chín mươi tám triệu đồng);

+) Hợp đồng số 02/2019 HDKT/THA-DAWOO ngày 15/03/2019, còn nợ: **37.950.000 VND** (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng);

+) Hợp đồng số 03/2019/HĐKT/THA-DAWOO ngày 24/07/2019: còn nợ **329.783.743 VND** (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng);

+) Hợp đồng kinh tế số 05/2019/HĐKT/THA-DAWOO ngày 01/05/2019: còn nợ **283.030.000 VND** (Hai trăm tám mươi ba triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng);

+) Hợp đồng số 2210/2019/HĐKT/THA-DAWOO kỳ ngày 22/10/2019: còn nợ **48.793.500 VND** (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày 29/07/2022 đến ngày 13/06/2023, Công ty D đã thanh toán tiếp cho Công ty T số tiền 150.000.000 đồng theo 03 lần thanh toán với số tiền lần lượt là:

1. Ngày 09/08/2022, thanh toán 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).
2. Ngày 10/05/2023, thanh toán 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).
3. Ngày 12/06/2023, thanh toán 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

1.2. Hai bên xác nhận số tiền nợ và thống nhất số tiền Công ty D phải thanh toán cho Công ty T là:

+ Nợ gốc của 4 hợp đồng nói trên: **661.439.240đ** (*Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi một triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi đồng*)

+ Khoản lãi phát sinh tính từ thời điểm hai bên ký biên bản đối chiếu công nợ (từ ngày 28/07/2022 đến 13/06/2023): Công ty T **không yêu cầu** Công ty D thanh toán tiền lại phát sinh.

1.3. Hai bên đã thống nhất các thoả thuận về việc thanh toán số tiền mà Công ty D phải thanh toán cho Công ty T như sau:

Công ty D cam kết lộ trình thanh toán số tiền nợ gốc cho Công ty T chia thành 06 đợt, cụ thể như sau:

- + Đợt 1: Thanh toán **110.000.000 VNĐ** chậm nhất vào ngày 30/08/2023
- + Đợt 2: Thanh toán **110.000.000 VNĐ** chậm nhất vào ngày 30/09/2023
- + Đợt 3: Thanh toán **110.000.000 VNĐ** chậm nhất vào ngày 30/10/2023
- + Đợt 4: Thanh toán **110.000.000 VNĐ** chậm nhất vào ngày 30/11/2023
- + Đợt 5: Thanh toán **110.000.000 VNĐ** chậm nhất vào ngày 30/12/2023
- + Đợt 6: Thanh toán **111.439.240 VNĐ** chậm nhất vào ngày 30/01/2024

1.4. Về số tiền lãi chậm trả:

Hết thời hạn thanh toán ngày 30/01/2024 mà Công ty D đã cam kết nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì Công ty T yêu cầu Công ty D thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc còn lại, đồng thời phải thanh toán khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho Công ty T theo mức lãi suất áp dụng là 10%/năm.

1.5. Về số tiền phạt vi phạm hợp đồng:

Công ty T không yêu cầu Công ty D thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các Bên tham gia hòa giải;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- CQTHADS Q. Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Phan Thị Kim Thanh